

BÁO CÁO

Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quý II, năm 2023

Thực hiện Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn Phòng Chính phủ về việc quy định chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai thác hệ thống thông tin báo cáo của Văn Phòng Chính phủ; UBND thị xã Hoài Nhơn báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quý I/2023 trên địa bàn thị xã, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)

1. Đánh giá tác động TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

Trong quý II/2023, HĐND, UBND thị xã không ban hành văn bản quy phạm pháp luật có quy định mới về chính sách, thủ tục hành chính áp dụng trên địa bàn thị xã nên UBND thị xã và các cơ quan tham mưu không thực hiện đánh giá tác động và lấy ý kiến đối với các dự thảo văn bản QPPL.

2. Công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC

UBND thị xã đã chỉ đạo các phòng ban chuyên môn, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của thị xã và UBND các xã, phường cập nhật, niêm yết công khai các quy trình tiếp nhận hồ sơ đúng quy định tại Phụ lục IV Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn Phòng Chính phủ. Nội dung niêm yết theo các Quyết định phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính của UBND tỉnh đã ban hành.

- Tổng số TTHC được công khai: 517 thủ tục (cấp huyện: 357 thủ tục¹; cấp xã: 160 thủ tục²).

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương: 517 thủ tục (cấp huyện: 357 thủ tục; cấp xã: 160 thủ tục).

3. Rà soát, đơn giản hóa TTHC

Cán bộ đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính ở các cấp tiếp tục theo dõi, tiến hành rà soát sự phù hợp của thủ tục hành chính với yêu cầu triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 để kịp thời kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ

¹ Trong đó, 96 thủ tục mức độ 3 và 118 thủ tục mức độ 4.

² Trong đó, 35 thủ tục mức độ 3 và 54 thủ tục mức độ 4.

sung, bãi bỏ hoặc thay thế cho phù hợp với tình hình thực tế yêu cầu cải cách hành chính. Trong quý II/2023, UBND thị xã chỉ đạo các phòng, ban, UBND các xã, phường triển khai rà soát, trình phương án đơn giản hoá gửi sở ngành cấp trên. Có 03 thủ tục hành chính cấp xã được UBND tỉnh phê duyệt rà soát, đơn giản hoá trong năm 2023.

5. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC

- Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo: 05
- Số phản ánh kiến nghị đã giải quyết và công khai trên cổng quốc gia: 05
- Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 0.

6. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC

*** Cấp huyện:**

+ Tổng số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong kỳ báo cáo: 5.666 hồ sơ. Trong đó: Tiếp nhận trực tiếp và qua BCCI trong kỳ: 4.374 hồ sơ; tiếp nhận trực tuyến: 1.917 hồ sơ; kỳ trước chuyển sang: 375 hồ sơ.

+ Tổng số hồ sơ đã giải quyết: 5.225 hồ sơ (trả trước và đúng hạn: 2225 hồ sơ, trễ hạn: 0 hồ sơ).

+ Tổng số hồ sơ đang giải quyết: 441 hồ sơ (còn hạn: 441 hồ sơ, quá hạn 0 hồ sơ).

*** Cấp xã:**

+ Tổng số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong kỳ báo cáo: 7.251 hồ sơ. Trong đó: Tiếp nhận trực tiếp và qua BCCI trong kỳ: 1.637 hồ sơ; tiếp nhận trực tuyến: 5.461 hồ sơ; kỳ trước chuyển sang: 153 hồ sơ.

+ Tổng số hồ sơ đã giải quyết: 7.052 hồ sơ (trả trước và đúng hạn: 7.051 hồ sơ, trễ hạn: 01 hồ sơ).

+ Tổng số hồ sơ đang giải quyết: 199 hồ sơ (còn hạn: 199 hồ sơ, quá hạn 0 hồ sơ).

(Chi tiết đính kèm biểu số II.06a, II.06b/VPCP/KSTT)

7. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

Tiếp tục triển khai vận hành bộ phận một cửa thị xã và bộ một cửa các xã, phường theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, giúp cho việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông mang lại hiệu quả, làm thay đổi cơ bản mối quan hệ giữa chính quyền và người dân, tổ chức theo hướng xây dựng một nền hành chính hiện đại, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi đến giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

Chỉ đạo bộ phận một cửa các cấp thực hiện nghiêm quy định về bỏ các giấy tờ liên quan đến thông tin công dân trong công tác giải quyết thủ tục hành chính, triển khai thực hiện việc khai thác định danh công dân từ cơ sở

dữ liệu quốc gia về dân cư khi tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính. Nghiêm cấm hành vi gây phiền hà, yêu cầu công dân xuất trình giấy xác nhận thông tin nơi cư trú và giấy tờ liên quan khác đối với các trường hợp thông tin công dân đã khai thác được từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống phần mềm một cửa điện tử nhằm hạn chế thấp nhất tình trạng hồ sơ trễ hẹn. Trong quý II/2023 toàn thị xã có 01 hồ sơ trễ hẹn chiếm 0,0081%.

8. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

Công tác triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 tiếp tục được quan tâm, chỉ đạo, đôn đốc thực hiện, nhất là đẩy mạnh việc thực hiện tiếp nhận hồ sơ trực tuyến, thanh toán phí, lệ phí trực tuyến, chứng thực bản sao điện tử, trả hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích.

Kết quả: có 40/41 thủ tục mức độ 3,4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến (tổng số thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức 3,4 cả 02 cấp huyện và xã: 303 thủ tục nhưng chỉ có 41 thủ tục có phát sinh hồ sơ (cả trực tiếp và trực tuyến) với số lượng hồ sơ: 6.378 HS trực tuyến 6.614 HS trực tiếp và trực tuyến).

Tỉ lệ hồ sơ trực tuyến toàn thị xã đạt: 51,5% (có 6.378 hồ sơ nộp trực tuyến, trong tổng số 12.398 hồ sơ gồm cả trực tiếp và trực tuyến)

Tỉ lệ thanh toán phí, lệ phí trực tuyến đạt 74,97% (7.432 giao dịch trực tuyến với số tiền 437.232.000 đồng trên tổng 9.913 giao dịch với tổng số tiền 562.218.000 đồng).

Tỉ lệ thanh toán phí, lệ phí trực tuyến cấp xã đạt 55,65% (3.210 giao dịch với số tiền 76.503.000 đồng trên tổng 5.768 giao dịch với tổng số tiền 140.054.070 đồng).

Tỉ lệ số hóa thành phần hồ sơ thủ tục hành chính đạt 51,4%, tỉ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt : 79,3%, tỉ lệ tái sử dụng kết quả số hóa đạt 16,6%

9. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; xây dựng chuyên trang, chuyên mục, tin bài tuyên truyền về chủ trương, chính sách, pháp luật về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công của tỉnh, hướng dẫn quy trình thực hiện, cách thức nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3,4; thực hiện thanh toán trực tuyến đối với thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính và thực hiện cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính, thanh toán trực tuyến phí, lệ phí;

Thường xuyên phát các tin, bài liên quan đến lợi ích, thuận tiện và hiệu quả khi thực hiện TTHC trên hệ thống truyền thanh của thị xã và hình thức: pano, áp

phích, khẩu hiệu tại UBND các xã, phường, công khai báo cáo tình hình, kết quả thực hiện hàng quý trên trang thông tin điện tử của thị xã.

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả phối hợp với Đoàn thanh niên xã, phường tổ chức các buổi tuyên truyền dịch vụ công trực tuyến, những lợi ích khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến, đăng ký tài khoản cho đoàn viên thanh niên, học sinh trên địa bàn.

10. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC

Trong Quý II-2023 chưa có nghiên cứu đề xuất sáng kiến cải cách hành chính.

11. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC

Trong Quý II/2023 UBND thị xã chưa thực hiện việc kiểm tra công tác kiểm soát TTHC tại địa phương, tuy nhiên hàng tháng UBND thị xã luôn theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện cải cách thủ tục hành chính; ban hành các văn bản chấn chỉnh, đôn đốc, nhắc nhở các cơ quan, đơn vị thực hiện giải quyết TTHC qua các kỳ họp, trực báo.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nhìn chung, công tác kiểm soát TTHC quý II/2023 đã được các cơ quan, ban, ngành thị xã và UBND các xã, phường quan tâm, triển khai thực hiện đồng bộ, cơ bản đáp ứng yêu cầu chung của thị xã đem lại hiệu lực, hiệu quả trong công tác hoạt động quản lý hành chính của UBND thị xã, chất lượng phục vụ dịch vụ công ngày được nâng cao. Việc tuyên truyền thực hiện thủ tục hành chính được thường xuyên; việc chỉ đạo điều hành quyết liệt hơn, trách nhiệm của công chức, viên chức ngày càng cao hơn; công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên và đề ra nhiều giải pháp để khắc phục tình trạng hồ sơ giải quyết trễ hạn. tạo điều kiện thuận lợi, thông thoáng cho các cá nhân, tổ chức đến liên hệ làm việc, đem đến sự hài lòng cho người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một tồn tại hạn chế, đó là:

Tình trạng hồ sơ đã giải quyết bị trễ hạn trên Phần mềm một cửa vẫn còn xảy ra do cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa kịp thời thao tác, cập nhật trên Phần mềm, nhưng thực tế hồ sơ đã được giải quyết và trả đúng hạn.

Công tác tuyên truyền tuy đã được triển khai sâu rộng với nhiều hình thức khác nhau, nhưng tỷ lệ người dân tiếp cận, tự nộp hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia chưa nhiều, hầu hết công chức phải hỗ trợ, giúp đỡ, tạo nên lực công việc rất lớn lên cán bộ công chức làm việc tại bộ phận một cửa các cấp.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

Để thực hiện tốt công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Trong thời gian đến, UBND thị xã tập trung vào các nội dung sau:

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về việc tiếp nhận và giải quyết trực tuyến ở mức độ 3,4; dịch vụ buru chính công ích; tiện ích thanh toán trực tuyến phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính. Tăng cường phát sinh hồ sơ tiếp nhận trực tuyến, chứng thực bản sao điện tử. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, chủ động hướng dẫn tổ chức, cá nhân cách thức tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đa dạng dưới nhiều hình thức. Phát huy hiệu quả hoạt động của đội thanh niên tình nguyện hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến, đăng ký mở tài khoản dịch vụ công quốc gia tại bộ phận một cửa thị xã và bộ phận một cửa các xã, phường.

Kiểm soát chặt chẽ quy trình giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức. Tăng cường công tác kiểm tra định kỳ việc thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC tại các bộ phận. Chú trọng triển khai bằng hình thức tự kiểm tra. Kịp thời xử lý các hành vi những nhiễu, gây phiền hà cho cá nhân, tổ chức trong giải quyết TTHC.

Tiếp tục triển khai thực hiện việc số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, trả kết quả điện tử trên tài khoản dịch vụ công của công dân, để nâng cao tỉ lệ tái sử dụng kết quả giải quyết thủ tục hành chính, góp phần nâng cao chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của địa phương

Công khai, minh bạch tất cả các loại thủ tục hành chính trên Cổng thông tin điện tử của và bộ phận một cửa thị xã và các xã, phường để người dân, doanh nghiệp thực hiện và giám sát; thực hiện khảo sát lấy ý kiến đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện dịch vụ hành chính công.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

Hiện nay, sau khi thực hiện bỏ sổ hộ khẩu, tại Ủy ban nhân dân cấp xã phát sinh nội dung sau: Công dân yêu cầu “xác nhận nhân khẩu” để thực hiện các thủ tục trên lĩnh vực đất đai. Đề xuất UBND tỉnh xem xét bổ sung nội dung này vào thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đất đai để có quy trình thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.

Trên đây là tình hình, kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quý II, năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian đến, UBND thị xã Hoài Nhơn kính báo cáo Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- VP UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc thị xã;
- UBND các xã, phường;
- LĐVP, BPMC; CV Quý (theo dõi);
- Trang thông tin điện tử;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Chung

Biểu số II.05a/VPCP/KSTT

**KẾT QUẢ XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ (PAKN)
VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH VÀ HÀNH VI HÀNH CHÍNH
TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

Kỳ báo cáo: Quý II, Năm 2023
(Từ ngày 15/3/2023 đến ngày 14/6/2023)

- Đơn vị báo cáo:

UBND thị xã Hoài Nhơn

- Đơn vị nhận báo cáo:

UBND tỉnh Bình Định

(Văn phòng UBND tỉnh).

Đơn vị tính: Số PAKN.

STT	Tên ngành, lĩnh vực có PAKN	Số lượng PAKN được tiếp nhận					Kết quả xử lý PAKN									Số PAKN đã xử lý được đăng tải công khai
		Tổng số	Theo nội dung		Theo thời điểm tiếp nhận		Đã xử lý				Đang xử lý					
			Hành vi hành chính	Quy định hành chính	Từ kỳ trước	Trong kỳ	Tổng số	Theo nội dung		Theo thời điểm tiếp nhận		Tổng số	Hành vi hành chính	Quy định hành chính		
								Hành vi hành chính	Quy định hành chính	Từ kỳ trước	Trong kỳ					
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)=(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(9)+(10)=(11)+(12)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(14)+(15)	(14)	(15)	(16)	
I	Tình hình, kết quả giải quyết PAKN thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND cấp Huyện	1	1	0	0	1	1	1	0	0	1	0	0	0	1	
1	Đất đai (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	1	1	0	0	1	1	1	0	0	1	0	0	0	1	
II	Tình hình, kết quả giải quyết PAKN thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND cấp Xã	4	4	0	0	4	4	4	0	0	4	0	0	0	4	
1	Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông đường bộ (Bộ Công an)	4	4	0	0	4	4	4	0	0	4	0	0	0	4	
Tổng cộng		5	5	0	0	5	5	5	0	0	5	0	0	0	5	

Biểu số II.06b/VPCP/KSTT

TÌNH HÌNH TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA UBND CẤP HUYỆN

Kỳ báo cáo: Quý II, Năm 2023
(Từ ngày 15/03./2023 đến ngày 14/6/2023)

- Đơn vị báo cáo:
UBND thị xã Hoài Nhơn
- Đơn vị nhận báo cáo:
UBND tỉnh Bình Định
(Văn phòng UBND tỉnh).

Đơn vị tính: hồ sơ TTHC.

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Tổng cộng	12.917	6.378	6.011	528	12.277	12.275	1	1	640	640	0
I	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp Huyện	5.666	917	4.374	375	5.225	5.225	0	0	441	441	0
1	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	69	62	7	0	67	67	0	0	2	2	0
2	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	11	11	0	0	4	4	0	0	7	7	0
3	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	1	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0
4	Đăng ký biện pháp bảo đảm (Bộ Tư pháp)	1.805	0	1.789	16	1.779	1.779	0	0	26	26	0
5	Đất đai (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	2.710	517	1.933	260	2.365	2.365	0	0	345	345	0
6	Giáo dục Mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	1	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0

7	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	24	24	0	0	24	24	0	0	0	0	0
8	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	3	2	1	0	3	3	0	0	0	0	0
9	Người có công (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	36	0	11	25	36	36	0	0	0	0	0
10	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	595	0	526	69	542	542	0	0	53	53	0
11	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	3	3	0	0	3	3	0	0	0	0	0
12	Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã) (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	2	1	1	0	2	2	0	0	0	0	0
13	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	398	289	104	5	390	390	0	0	8	8	0
14	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	2	2	0	0	2	2	0	0	0	0	0
15	Tổ chức phi chính phủ (Bộ Nội vụ)	6	6	0	0	6	6	0	0	0	0	0
II	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp Xã	7.251	5.461	1.637	153	7.052	7.050	1	1	199	199	0
1	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	4.219	4.036	179	4	4.195	4.194	0	1	24	24	0
2	Bảo trợ xã hội (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	1.402	1.181	111	110	1.269	1.268	1	0	133	133	0
3	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	1.268	221	1.047	0	1.268	1.268	0	0	0	0	0
4	Đất đai (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	7	1	5	1	3	3	0	0	4	4	0

5	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0
6	Môi trường (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0
7	Người có công (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	331	0	293	38	293	293	0	0	38	38	0
8	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	2	0	2	0	2	2	0	0	0	0	0
9	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0
10	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	19	19	0	0	19	19	0	0	0	0	0

TỔNG HỢP CÁC CHỈ SỐ TỪ NGÀY 15-03-2023 ĐẾN NGÀY 14-6-2023

STT	Đơn vị	Tổng hồ sơ tiếp nhận	Hồ sơ có tài khoản DVCQG	Trong đó				Tỷ lệ số hóa TPHS (%)	Tổng số hồ sơ đã giải quyết	Trong đó		Hồ sơ sử dụng lại dự liệu số hóa	Tỷ lệ tái sử dụng KQ số hóa	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến (%)	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến (%)	Số lượng hồ sơ chứng thực điện tử	Tỷ lệ khai thác dữ liệu CSDL QG về DC
				Hồ sơ tiếp nhận (trực tiếp)	Hồ sơ tiếp nhận (trực tuyến)	Số hóa thành phần hồ sơ				Hồ sơ số hóa kết quả	Tỷ lệ số hóa kết quả (%)						
						Một phần	Toàn bộ										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)= (7+8)/(3)	(10)	(11)	(12)= (11)/(10)	(13)	(14)= (13)/(5+6)	(15)= (6)/(3)			
Cấp huyện																	
	UBND thị xã Hoài Nhơn	5291	3619	4374	917	575	743	24,9	5225	4172	79,8	499	9,4	17,3	73,8	41	96,7
Cấp xã																	
1	UBND phường Bồng Sơn	476	336	67	409	27	349	79	467	375	80,3	169	35,5	85,9	86,78	458	93,7
2	UBND phường Hoài Đức	437	435	15	422	6	421	97,7	438	427	97,5	351	80,3	96,6	88,89	714	99,1
3	UBND phường Hoài Hảo	382	265	65	317	35	171	53,9	376	274	72,9	42	11	83,0	75,11	284	94,7
4	UBND phường Hoài Hương	719	330	397	322	6	237	33,8	719	361	50,2	7	1	44,8	36,01	139	84,2
5	UBND phường Hoài Tân	655	544	242	413	314	60	57,1	654	515	78,7	143	21,8	63,1	98,32	405	96,3
6	UBND phường Hoài Thanh	400	371	60	340	31	293	81	390	320	82,1	9	2,3	85,0	52,61	231	91,4
7	UBND phường Hoài Thanh Tây	569	326	204	365	5	360	64,1	562	461	82	7	1,2	64,1	61,84	216	57
8	UBND phường Hoài Xuân	342	279	116	226	1	220	64,6	342	245	71,6	4	1,2	66,1	85,82	229	89,1
9	UBND phường Tam Quan	410	389	22	388	86	310	96,6	413	399	96,6	359	87,6	94,6	96,06	734	100
10	UBND phường Tam Quan Bắc	397	336	100	297	1	186	47,1	384	360	93,8	33	8,3	74,8	65	275	92,3
11	UBND phường Tam Quan Nam	396	380	76	320	41	285	82,3	395	339	85,8	11	2,8	80,8	75,25	256	95,9
12	UBND xã Hoài Châu	406	359	31	375	12	316	80,8	387	292	75,5	16	3,9	92,4	83,74	272	93,5
13	UBND xã Hoài Châu Bắc	288	284	45	243	13	237	86,8	288	246	85,4	138	47,9	84,4	82,95	439	96,2
14	UBND xã Hoài Hải	266	56	80	186	47	138	69,5	264	170	64,4	3	1,1	69,9	77,14	216	95,8
15	UBND xã Hoài Mỹ	345	342	54	291	4	283	83,2	337	279	82,8	5	1,4	84,3	88,29	262	83,3
16	UBND xã Hoài Phú	183	66	38	145	19	115	73,2	182	92	50,5	0	0	79,2	73,91	204	88,3
17	UBND xã Hoài Sơn	427	271	25	402	37	387	99,3	454	413	91	262	61,4	94,1	94,87	603	99,2
	Tổng cộng cấp xã	7.098	5.369	1.637	5.461	685	4.368	71,2	7.052	5.568	79,0	1.559	22,0	76,9	76,2	5.935	90,37
Σ	Tổng cộng	12.389	8.988	6.011	6.378	1.260	5.111	51,4	12.277	9.740	79,3	2.058	16,6	51,5	74,97	5.976	93,06